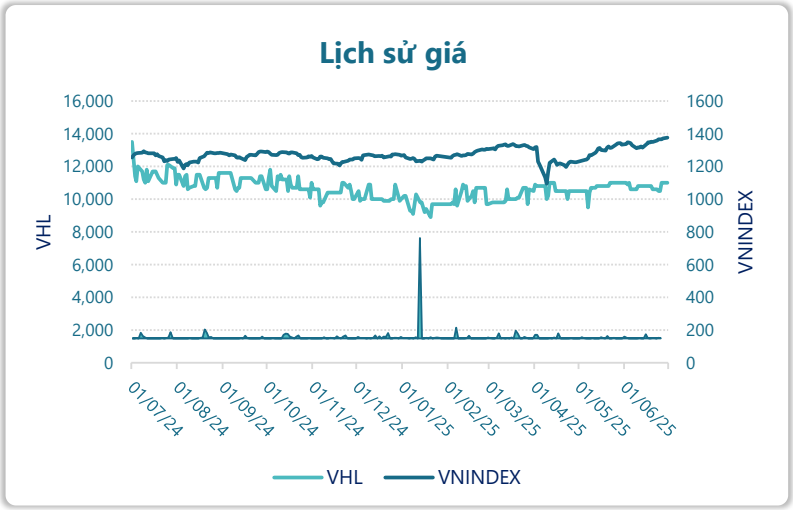
FireAnt

CTCP Viglacera Hạ Long (HNX: VHL)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,900
SL cổ phiếu LH	25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,815
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	275
P/E	-8.9
EPS	-1,239

DT thuần

Q2/25

291

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.0| 16.1%

YoY: ▲ 1.00| 0.5%

LN sau thuế

Q2/25

10.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.3| 3226%

YoY: ▲ 20.4| 208%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.4%

+/- YoY: ▲ 6.8%

DT thuần

6T 2025

543

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.0| 2.1%

LN sau thuế

6T 2025

11.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 35.5| 145%

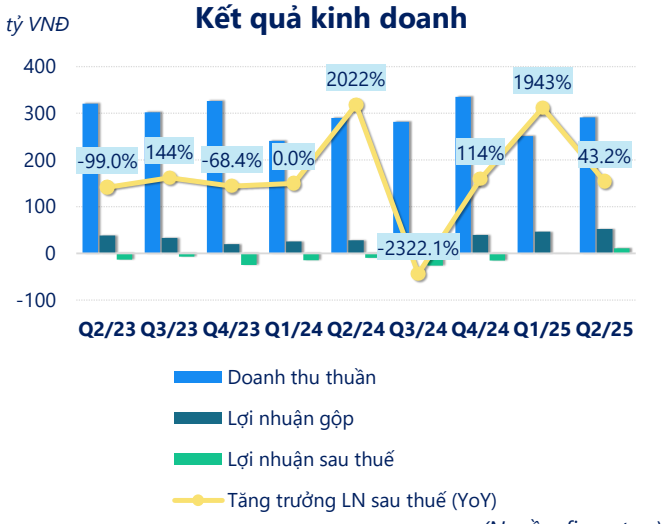
ROE

Q2/25

-6.2%

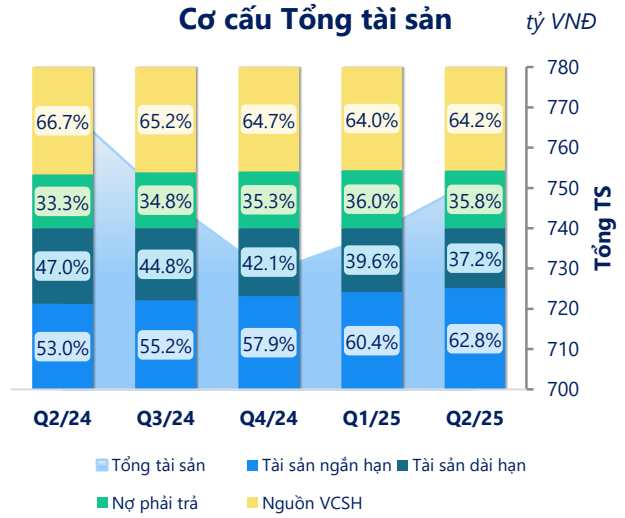
+/- YoY: ▲ 4.2%

Kết quả kinh doanh



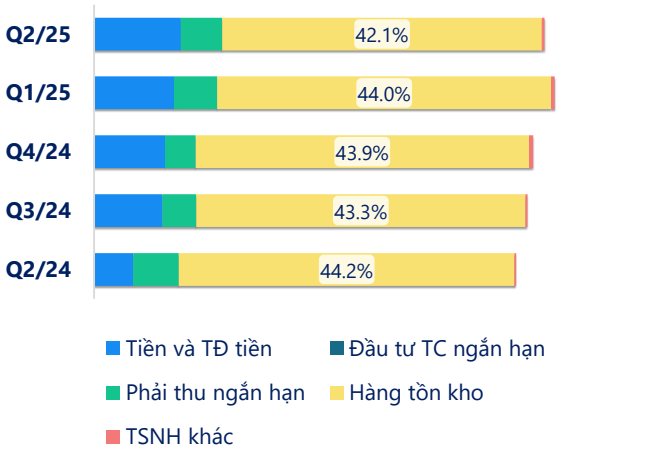
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



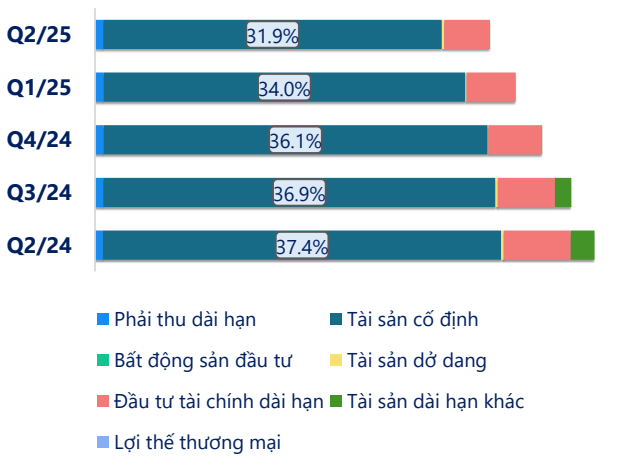
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



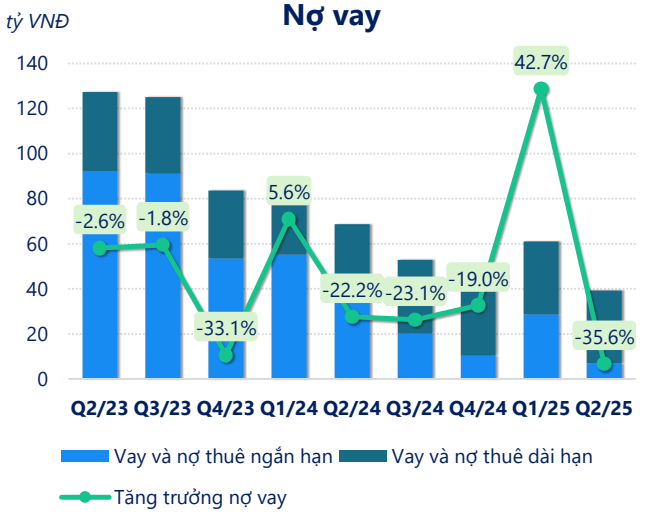
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



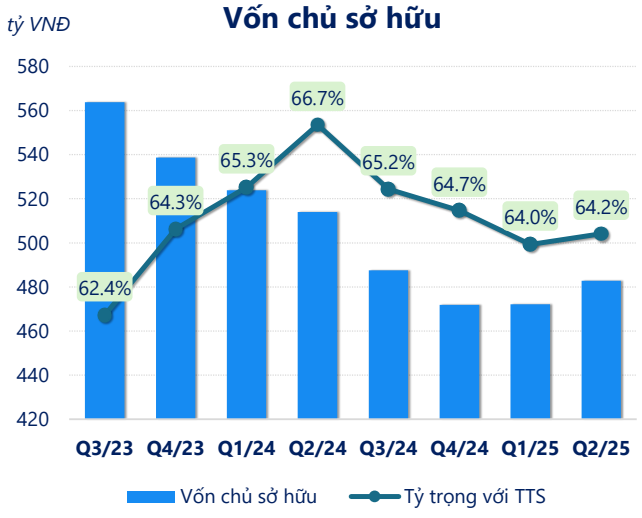
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



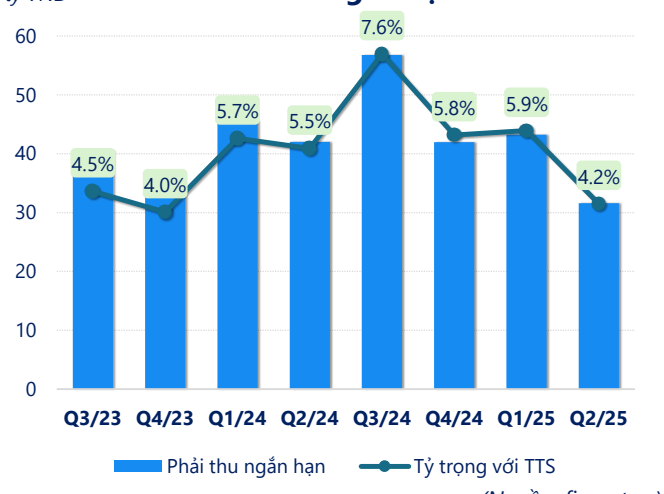
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



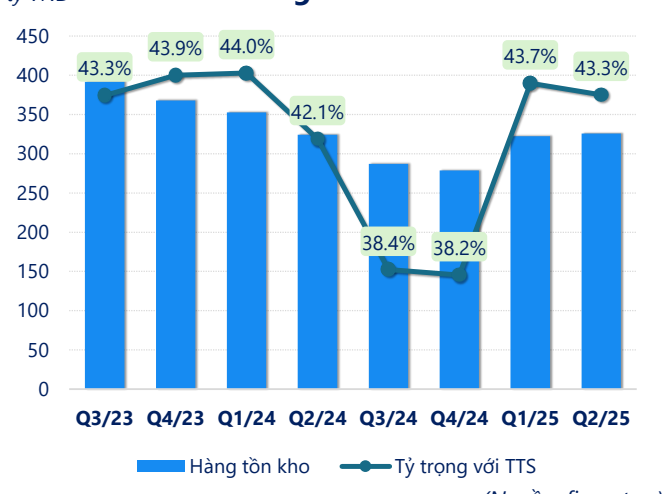
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



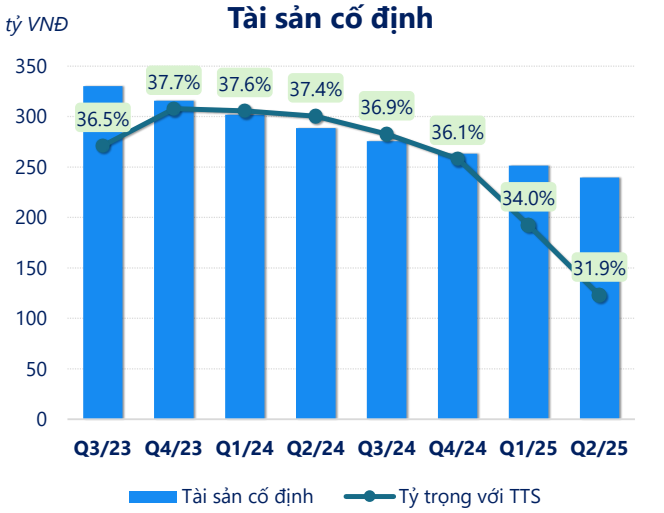
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



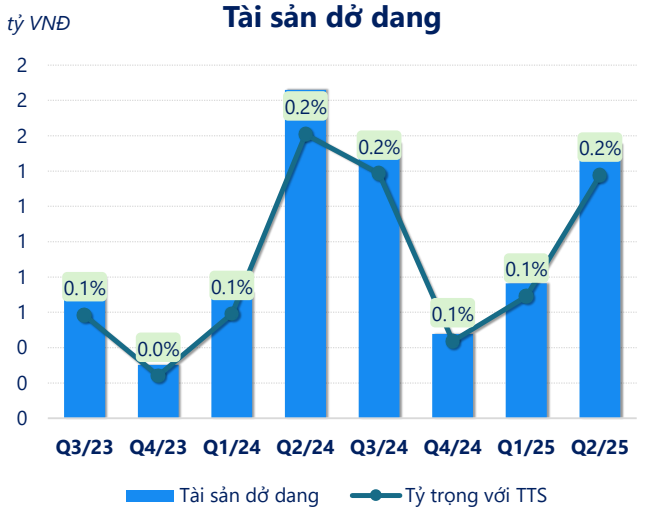
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



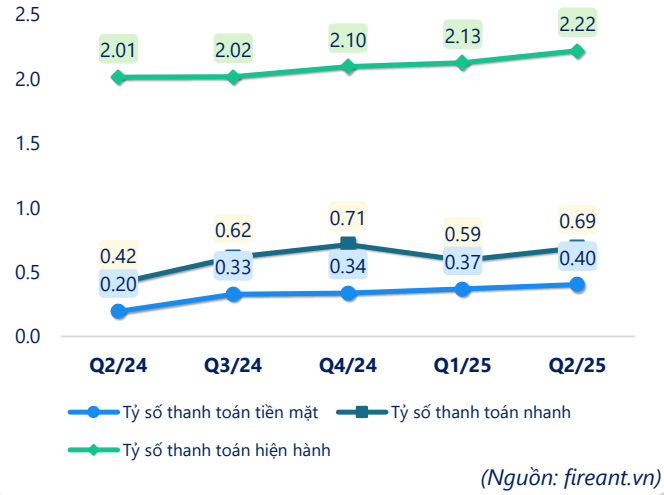
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



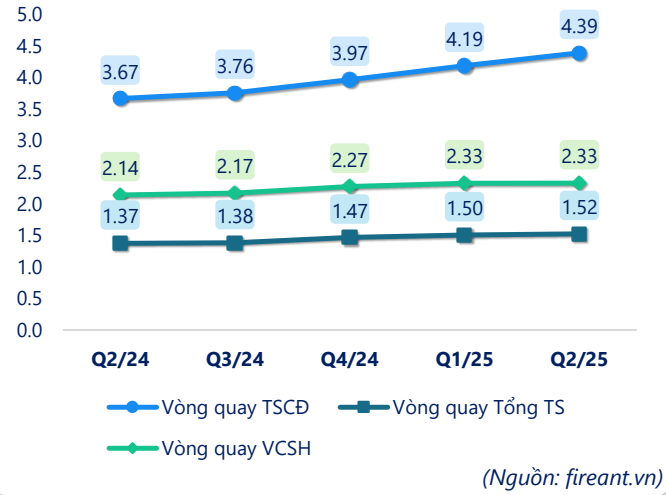
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**771**	**748**	**729**	**738**	**752**
Tài sản ngắn hạn	**409**	**413**	**422**	**446**	**473**
Tiền và tương đương tiền	39.6	67.1	68.2	77.8	86.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	30.1	0	28.2
Phải thu ngắn hạn	42.0	56.8	42.0	43.2	31.6
Hàng tồn kho	324	287	279	322	326
Tài sản ngắn hạn khác	2.70	1.96	3.48	2.86	0.91
Tài sản dài hạn	**362**	**335**	**307**	**292**	**279**
Phải thu dài hạn	5.83	5.83	5.81	5.81	5.81
Tài sản cố định	289	276	263	251	240
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.86	1.55	0.48	0.76	1.55
Đầu tư tài chính dài hạn	48.6	40.3	36.7	33.8	32.2
Tài sản dài hạn khác	17.2	11.4	0.29	0.29	0.33
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**257**	**260**	**257**	**266**	**269**
Nợ ngắn hạn	**203**	**205**	**201**	**210**	**213**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.9	20.1	10.3	28.6	6.92
Phải trả người bán ngắn hạn	42.8	40.1	57.2	51.4	53.1
Nợ dài hạn	53.9	55.5	55.6	56.2	56.2
Vay và nợ thuê dài hạn	32.7	32.7	32.4	32.4	32.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**514**	**488**	**472**	**472**	**483**
Vốn chủ sở hữu	**514**	**488**	**472**	**472**	**483**
Vốn điều lệ	250	250	250	250	250
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)